

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 25 tháng 7 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 8 542 209
- Fax : 0243 8 545 855

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Khu B, Nhà G10, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	Ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên	Ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên	Ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên	Ngày 14 tháng 5 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Anh Đào	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025
Bà Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022
Ông Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2021
Ông Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Duẩn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Số: 2.0498/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2024 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 10 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.016.556.722	61.849.797.321
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.545.299.281	8.136.596.720
1. Tiền	111		3.545.299.281	8.136.596.720
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.069.032.619	5.039.656.357
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.069.032.619	5.039.656.357
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.881.949.919	37.860.286.295
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	56.306.967.602	57.742.609.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		186.270.435	139.510.435
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.980.201.036	8.569.655.428
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(28.591.489.154)	(28.591.489.154)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.415.808.837	10.639.534.390
1. Hàng tồn kho	141	V.6	18.415.808.837	10.639.534.390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		104.466.066	173.723.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		104.466.066	92.753.770
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	80.969.789
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.141.991.203	18.615.635.689
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.115.395.385	11.993.862.096
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	13.054.395.385	11.932.862.096
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	61.000.000	61.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.113.332.753	4.230.544.266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.113.332.753	4.230.544.266
<i>Nguyên giá</i>	222		17.827.521.527	18.979.815.498
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.714.188.774)	(14.749.271.232)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		877.558.724	992.422.317
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	1.837.000.000	1.837.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.950.134.564	2.950.134.564
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.909.575.840)	(3.794.712.247)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.035.704.341	1.398.807.010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.035.704.341	1.398.807.010
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.158.547.925	80.465.433.010

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		35.287.252.599	30.313.809.551
I. Nợ ngắn hạn	310		30.414.620.408	25.222.777.360
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8a	2.824.898.152	1.850.478.128
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	9.053.501.785	8.243.463.534
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	359.825.054	288.387.384
4. Phải trả người lao động	314		9.503.852.923	6.607.743.103
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		81.196.969	120.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	4.874.898.646	4.979.561.507
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	2.367.294.612	2.310.191.437
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	1.349.152.267	822.952.267
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.872.632.191	5.091.032.191
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.8b	3.194.382.191	3.194.382.191
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	455.000.000	455.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	1.223.250.000	1.441.650.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.871.295.326	50.151.623.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	48.871.295.326	50.151.623.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
5. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.487.458.313	13.487.458.313
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		784.738.301	2.065.066.434
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.242.434	2.065.066.434
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		724.495.867	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.158.547.925	80.465.433.010

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	25.210.205.604	33.997.448.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.210.205.604	33.997.448.759
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	19.159.228.821	27.415.186.012
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.050.976.783	6.582.262.747
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		105.137.431	215.898.541
7. Chi phí tài chính	22		286.243.331	298.651.010
Trong đó: chi phí lãi vay	23		171.379.738	246.067.032
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.3	5.145.049.726	5.194.181.622
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		724.821.157	1.305.328.656
11. Thu nhập khác	31		181.574.074	555.555
12. Chi phí khác	32		620.318	9.748.728
13. Lợi nhuận khác	40		180.953.756	(9.193.173)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		905.774.913	1.296.135.483
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	181.279.046	328.948.583
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		724.495.867	967.186.900
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.4		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.4		

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết

Đình Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		905.774.913	1.296.135.483
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	517.611.513	437.028.921
- Các khoản dự phòng	03		114.863.593	(116.043.173)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(268.407.387)	(216.268.911)
- Chi phí lãi vay	06		171.379.738	246.067.032
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.441.222.370	1.646.919.352
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.483.915	(5.063.007.772)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.776.274.447)	(800.372.536)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.518.257.359	4.319.412.166
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(648.609.627)	(717.238.112)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(170.023.800)	(246.067.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(92.352.470)	(283.212.012)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(173.800.000)	(619.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.873.096.700)	(1.763.015.946)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(400.400.000)	(4.149.000.876)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		88.981.481	370.370
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.034.044.240
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.338.605	185.719.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(252.079.914)	4.071.133.361

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	1.930.494.612	6.678.129.341
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(2.091.791.437)	(6.040.318.617)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.304.824.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.466.120.825)	637.810.724
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.591.297.439)	2.945.928.139
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.136.596.720	1.071.024.904
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.545.299.281	4.016.953.043

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Đinh Văn Duẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà có trụ sở chính tại thôn Lại Xá, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 73,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Khu B, Nhà G10, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 143 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó: Giá vốn hàng bán của công trình được xác định bằng doanh thu ghi nhận trong kỳ nhân với (x) tỷ lệ khoán chi phí của công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng công trình có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này, không quá 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	128.627.853	76.613.591
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.416.671.428	8.059.983.129
Cộng	3.545.299.281	8.136.596.720

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2,9% đến 3,4%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 3.900.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng, không thay đổi so với số dư đầu năm (xem thuyết minh số V.13).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.837.000.000	(1.509.575.840)	1.837.000.000	(1.394.712.247)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà ⁽ⁱ⁾	1.837.000.000	(1.509.575.840)	1.837.000.000	(1.394.712.247)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.950.134.564	(2.400.000.000)	2.950.134.564	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie ⁽ⁱⁱ⁾	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	550.134.564	-	550.134.564	-
Cộng	4.787.134.564	(3.909.575.840)	4.787.134.564	(3.794.712.247)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800921560 thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà là 2.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đầu tư vào Công ty này 1.837.000.000 VND, tương đương 183.700 cổ phần, chiếm 73,5% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie thông qua hoạt động ủy thác đầu tư cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP, số tiền 2.400.000.000 VND. Khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (số đầu năm là 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 616.238.000 VND (số đầu năm là 645.553.322 VND). Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.794.712.247	3.675.880.533
Trích lập dự phòng bổ sung	114.863.593	52.583.978
Số cuối kỳ	3.909.575.840	3.728.464.511

3. Phải thu khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	30.712.640.157	27.817.596.513
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	4.746.882.646	4.746.882.646
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.172.896.478	3.172.896.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	949.155.472	989.104.527
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	925.975.381	925.975.381
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	4.771.398.877	1.127.960.497
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.155.385.775	3.155.385.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.514.761.043	2.654.761.043
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	3.167.696.909	3.654.064.600
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	215.535.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A	196.855.777	194.892.268
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	17.582.000	17.582.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Daklo	97.541.401	129.841.401
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	338.416.876
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	258.241.564	94.448.063
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	442.433.090	442.433.090
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	351.604.776	351.604.776
Phải thu các khách hàng khác	25.594.327.445	29.925.013.073
Cộng	56.306.967.602	57.742.609.586

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	8.149.100.495	7.345.061.899
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.357.750.093	2.357.750.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.514.233.413	1.852.550.485
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	244.562.929	244.562.929
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	109.244.833	109.244.833
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.087.018.944	964.370.670
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	10.586.000	10.586.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A	19.707.394	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	716.265.675	716.265.675
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	233.870.459	233.870.459
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	5.615.400	5.615.400
Phải thu các khách hàng khác	4.899.679.490	4.582.184.797
Cộng	13.054.395.385	11.932.862.096

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.375.437.958	(5.060.599.165)	7.375.437.958	(5.060.599.165)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - phải thu về lãi cho vay	7.375.437.958	(5.060.599.165)	7.375.437.958	(5.060.599.165)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.604.763.078	-	1.194.217.470	-
Tạm ứng	757.267.542	-	641.682.790	-
Ký cược, ký quỹ	699.334.914	-	402.930.601	-
Lãi dự thu	39.051.499	-	40.933.053	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	109.109.123	-	108.671.026	-
Cộng	8.980.201.036	(5.060.599.165)	8.569.655.428	(5.060.599.165)

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ.

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các bên liên quan	18.590.155.100	18.590.155.100
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	4.169.424.085	4.169.424.085
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.172.896.478	3.172.896.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	504.150.312	504.150.312
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	193.276.485	193.276.485
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	176.777.832	176.777.832
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	199.787.774	199.787.774
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Daklo	64.920.701	64.920.701
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	338.416.876
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	9.418.899.781	9.418.899.781
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	351.604.776	351.604.776
Các tổ chức và cá nhân khác	10.001.334.054	10.001.334.054
Cộng	28.591.489.154	28.591.489.154

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	28.591.489.154	28.582.720.053
Hoàn nhập dự phòng	-	(168.627.151)
Số cuối kỳ	28.591.489.154	28.414.092.902

6. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình Thủy điện Xekaman 3	2.529.367.551	2.529.367.551
Công trình Thủy điện Nam Phak	3.076.517.002	435.120.386
Công trình Sân bay Long Thành	1.809.216.559	-
Công trình Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	1.631.308.001	1.443.850.164
Các công trình khác	9.369.399.724	6.231.196.289
Cộng	18.415.808.837	10.639.534.390

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.788.013.550	7.995.511.602	4.977.364.546	218.925.800	18.979.815.498
Mua trong kỳ	-	400.400.000	-	-	400.400.000
Thanh lý nhượng bán	-	(1.105.489.607)	(447.204.364)	-	(1.552.693.971)
Số cuối kỳ	5.788.013.550	7.290.421.995	4.530.160.182	218.925.800	17.827.521.527
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.788.013.550	1.114.179.091	2.203.040.182	218.925.800	9.324.158.623
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.788.013.550	5.268.870.583	3.473.461.299	218.925.800	14.749.271.232
Khấu hao trong kỳ	-	348.581.042	169.030.471	-	517.611.513
Thanh lý nhượng bán	-	(1.105.489.607)	(447.204.364)	-	(1.552.693.971)
Số cuối kỳ	5.788.013.550	4.511.962.018	3.195.287.406	218.925.800	13.714.188.774
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	2.726.641.019	1.503.903.247	-	4.230.544.266
Số cuối kỳ	-	2.778.459.977	1.334.872.776	-	4.113.332.753
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.084.887.955 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Phải trả người bán

8a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	133.671.505	9.774.779
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	124.229.176	332.450
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.442.329	9.442.329
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.691.226.647	1.840.703.349
Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật SD	423.410.000	540.640.000
Xí nghiệp Dịch vụ Thiết bị vật tư	885.962.900	420.618.000
Công ty Cổ phần Thiết bị và Dịch vụ Lạc Hồng	412.665.000	-
Các nhà cung cấp khác	969.188.747	879.445.349
Cộng	2.824.898.152	1.850.478.128

8b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	251.159.604	251.159.604
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	251.159.604	251.159.604
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.943.222.587	2.943.222.587
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	330.516.000	330.516.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	431.457.562	431.457.562
Viện thiết kế Thủy công Côn Minh	1.762.430.942	1.630.440.560
Các nhà cung cấp khác	418.818.083	550.808.465
Cộng	3.194.382.191	3.194.382.191

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	675.359.566	847.614.291
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	1.482.877	1.482.877
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	625.184.781	386.764.550
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	-	110.674.956
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A	48.691.908	48.691.908
Trả trước của các khách hàng khác	8.378.142.219	7.395.849.243
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lô 1-3	930.224.200	930.224.200
Các khách hàng khác	7.447.918.019	6.465.625.043
Cộng	9.053.501.785	8.243.463.534

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	156.046.434	259.735.989	(244.195.808)	171.586.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.352.470	181.279.046	(92.352.470)	181.279.046
Thuế thu nhập cá nhân	39.988.480	526.073.835	(559.102.922)	6.959.393
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	261.821.492	(261.821.492)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.506.318	(4.506.318)	-
Cộng	288.387.384	1.233.416.680	(1.161.979.010)	359.825.054

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước từ 8 - 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	905.774.913	1.296.135.483
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	620.315	172.957.432
- Các khoản điều chỉnh tăng	620.315	172.957.432
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	906.395.228	1.469.092.915
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	181.279.046	293.818.583
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	35.130.000
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	181.279.046	328.948.583

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức tiền thuê như sau:

Tại khu đất G9, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội đang sử dụng làm trụ sở Công ty

Từ ngày 20/5/2023 đến hết ngày 19/5/2028: Đơn giá thuê đất là 476.358 VND/m²/năm tính cho toàn bộ diện tích đất 966,4 m².

Tại phường Tân Thịnh, thành phố Hoà Bình (nay là phường Hoà Bình, tỉnh Phú Thọ)

- Diện tích đất 720,7m²: Đơn giá thuê đất là 83.200 VND/m²/năm;

- Diện tích đất 50,0 m²: Đơn giá thuê đất là 66.560 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả khác

11a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	665.550.000	665.550.000
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP - Cổ tức phải trả	665.550.000	665.550.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	4.209.348.646	4.314.011.507
Kinh phí công đoàn	297.243.410	421.803.960
Lãi vay phải trả	5.981.529	4.625.591
Cổ tức phải trả	639.274.000	639.274.000
Tiền mượn của cán bộ, công nhân viên	1.447.670.634	1.472.413.146
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.819.179.073	1.775.894.810
Cộng	4.874.898.646	4.979.561.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ.

12. Vay

12a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.930.494.612	1.873.391.437
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	436.800.000	436.800.000
Cộng	2.367.294.612	2.310.191.437

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty, hạn mức vay tối đa không vượt quá 7.000.000.000 VND. Lãi suất vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.873.391.437	1.930.494.612	(1.873.391.437)	-	1.930.494.612
Vay dài hạn đến hạn trả	436.800.000	-	(218.400.000)	218.400.000	436.800.000
Cộng	2.310.191.437	1.930.494.612	(2.091.791.437)	218.400.000	2.367.294.612

12b. Vay dài hạn

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm:

<u>Ngày</u>	<u>Mục đích</u>	<u>Số tiền vay</u>	<u>Lãi suất/năm</u>
Hợp đồng ngày 01/07/2024	thanh toán tiền mua máy móc thiết bị	834.000.000 VND	6,8%-12,5%
Hợp đồng ngày 24/04/2024	thanh toán tiền mua máy móc thiết bị	507.000.000 VND	6,8%-12,5%
Hợp đồng ngày 06/02/2024	mua 01 xe ô tô Toyota Camry	843.000.000 VND	6,8%

Các khoản vay đều có thời hạn 05 năm và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	436.800.000	436.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.223.250.000	1.441.650.000
Cộng	1.660.050.000	1.878.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.441.650.000	-
Số tiền vay phát sinh		1.350.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(218.400.000)	(270.000.000)
Số cuối kỳ	1.223.250.000	1.080.000.000

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	816.952.267	600.000.000	(173.800.000)	1.243.152.267
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành	6.000.000	100.000.000	-	106.000.000
Cộng	822.952.267	700.000.000	(173.800.000)	1.349.152.267

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ trước						
Số dư đầu năm	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	2.014.431.609	50.100.988.634
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	967.186.900	967.186.900
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
Số dư cuối kỳ	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	1.076.794.509	49.163.351.534
Kỳ này						
Số dư đầu năm	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	2.065.066.434	50.151.623.459
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	724.495.867	724.495.867
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
Số dư cuối kỳ	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	784.738.301	48.871.295.326

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	13.311.000.000	13.311.000.000
Các cổ đông khác	12.786.100.000	12.786.100.000
Cộng	26.097.100.000	26.097.100.000

14c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	62	62
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.609.648	2.609.648

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 20/NQ/2025/ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.304.824.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 700.000.000

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

15a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền ngoại tệ là 2.824,67 USD (số đầu năm là 25.645,41 USD).

15b. Nợ khó đòi đã xử lý

Là khoản nợ phải thu khách hàng đã xóa nợ, số tiền 40.418.000 VND (số đầu năm: 40.418.000 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu khảo sát	13.182.228.759	23.264.169.440
Doanh thu thí nghiệm	3.633.599.550	4.008.158.629
Doanh thu khác	8.394.377.295	6.725.120.690
Cộng	25.210.205.604	33.997.448.759

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty con. Các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	55.602.727	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	12.672.689.538	22.067.602.198
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	342.743.802
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	333.333.333	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.773.251.192	829.314.636
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	46.296.296	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	182.475.874	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	53.160.854

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn khảo sát	10.889.359.378	19.689.159.334
Giá vốn thí nghiệm	2.398.841.759	3.002.953.907
Giá vốn khác	5.871.027.684	4.723.072.771
Cộng	19.159.228.821	27.415.186.012

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.396.779.854	4.001.100.580
Chi phí vật liệu quản lý	166.541.474	178.847.078
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.978.314	110.500.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.030.471	192.615.912
Thuế, phí và lệ phí	335.470.581	246.834.234
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		(168.627.151)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.833.990	284.259.868
Các chi phí khác	650.415.042	348.650.660
Cộng	5.145.049.726	5.194.181.622

4. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.255.268.058	5.759.299.249
Chi phí nhân công	20.379.690.012	19.430.276.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	517.611.513	437.028.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.762.041.262	4.277.877.395
Chi phí khác	2.165.942.149	3.505.258.469
Cộng	32.080.552.994	33.409.740.170

6. Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất có thời hạn 50 năm, trả tiền hàng năm tại nơi đặt trụ sở chính Công ty, với đơn giá thuê ổn định trong mỗi kỳ 5 năm. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	460.353.338	460.353.338
Trên 1 năm đến 5 năm	1.841.413.352	1.841.413.352
Trên 5 năm	11.201.931.225	11.432.107.894
Cộng	13.503.697.915	13.733.874.584

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Kỳ này					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	266.047.917	13.000.000	-	279.047.917
Định Văn Duẩn	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	243.291.288	13.000.000	33.000.000	289.291.288
Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	176.041.667	10.000.000	33.000.000	219.041.667
Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	-	3.000.000	33.000.000	36.000.000
Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	124.279.384	3.000.000	33.000.000	160.279.384
Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	174.987.500	10.000.000	-	184.987.500
Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	146.047.917	10.000.000	-	156.047.917
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng BKS (đến 14/05/2025)	145.895.018	6.000.000	-	151.895.018
Trịnh Thị Anh Đào	Trưởng BKS (từ 14/05/2025)	-	-	-	-
Trần Thế Anh	Thành viên BKS (đến 14/05/2025)		3.000.000	19.800.000	22.800.000
Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên BKS (từ 14/05/2025)	-	-	-	-
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên BKS		3.000.000	19.800.000	22.800.000
Cộng		1.276.590.691	74.000.000	171.600.000	1.522.190.691
Kỳ trước					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	226.982.000	13.000.000	-	239.982.000
Định Văn Duẩn	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	213.444.286	13.000.000	28.380.000	254.824.286
Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	155.179.143	10.000.000	28.380.000	193.559.143
Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT		3.000.000	28.380.000	31.380.000
Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	156.333.250	3.000.000	28.380.000	187.713.250
Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	155.179.143	10.000.000	-	165.179.143
Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	128.360.857	10.000.000	-	138.360.857
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng BKS	124.790.857	6.000.000	-	130.790.857
Trần Thế Anh	Thành viên BKS		3.000.000	17.028.000	20.028.000
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên BKS		3.000.000	17.028.000	20.028.000
Cộng		1.160.269.536	74.000.000	147.576.000	1.381.845.536

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty liên kết của công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức với Tổng Công ty Sông Đà - CTCP số tiền 665.550.000 VND (Kỳ trước: 665.550.000 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.8, V.9 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.537.516.066	12.672.689.538	25.210.205.604
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.537.516.066	12.672.689.538	25.210.205.604
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.633.820.329	1.417.156.454	6.050.976.783
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.145.049.726)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			905.927.057
Doanh thu hoạt động tài chính			105.137.431
Chi phí tài chính			(286.243.331)
Thu nhập khác			181.574.074
Chi phí khác			(620.318)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(181.279.046)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			724.495.867
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.460.510.818		1.460.510.818
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	778.159.938	164.714.820	942.874.758
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.021.892.016	21.975.556.743	33.997.448.759
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.021.892.016	21.975.556.743	33.997.448.759
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.377.352.080	2.204.910.667	6.582.262.747
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.194.181.622)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.388.081.125

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Doanh thu hoạt động tài chính			215.898.541
Chi phí tài chính			(298.651.010)
Thu nhập khác			555.555
Chi phí khác			(9.748.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(328.948.583)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			967.186.900
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.149.000.876	-	4.149.000.876
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	426.373.365	24.337.241	450.710.606

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	56.447.096.224	16.079.390.670	72.526.486.894
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			11.632.061.031
Tổng tài sản			84.158.547.925
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.581.870.406	251.159.604	21.833.030.010
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.454.222.589
Tổng nợ phải trả			35.287.252.599
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	47.354.948.055	4.508.079.268	51.863.027.353
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			28.602.405.657
Tổng tài sản			80.465.433.010
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	13.288.323.853	-	13.288.323.853
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.025.485.698
Tổng nợ phải trả			30.313.809.551

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, thí nghiệm, khảo sát công trình,...

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết

Đình Văn Duẩn